

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 06/6/2026 của UBND xã Tuyên Hóa về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc đường 12A, thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh

Quảng Trị (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 13/6/2026 của UBND xã Tuyên Hóa về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc đường 12A, thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 16/6/2026 của UBND xã Tuyên Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc đường 12A, thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND xã Tuyên Hóa về việc phê duyệt dự toán kinh phí chi tổ chức đấu giá QSD đất 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A, thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị (đợt 2).

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Tuyên Hóa thông báo về việc công khai lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để bán đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc đường 12A, thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị (đợt 2) như sau:

I. Người có tài sản đấu giá: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Tuyên Hóa.

Địa chỉ: Số 12 đường Lê Lợi, xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá.

Quyền sử dụng đất ở đối với 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị (đợt 2);

- Tổng số lô đất đưa ra đấu giá: 101 thửa.
- Loại đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).
- Tổng diện tích: 16.483,8 m² /101 thửa.
- Tổng giá khởi điểm: 73.649.000.000 đồng/101 thửa.

(Có Phụ lục I kèm theo).

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, các tiêu chí quy định tại Điều 33 Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 và các tiêu chí khác do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Tuyên Hóa quy định, cụ thể:

(Có Phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá kèm theo).

IV. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia.

- Đơn đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm theo phương án đấu giá (bản chính).
- Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định.
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí đánh giá.
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Trong trường hợp cần xác minh thông tin, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải cung cấp ngay cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Tuyên Hóa. Toàn bộ hồ sơ được bỏ vào phong bì dán và đóng dấu niêm phong.

V. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến ngày 09/7/2026 (Nhận hồ sơ trong giờ hành chính các ngày làm việc).

Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Tuyên Hóa; Địa chỉ: số 12 đường Lê Lợi, xã Đồng Lê, tỉnh Quảng Trị.

Hình thức nộp hồ sơ:

- + Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).
- + Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu còn hiệu lực của cơ quan, đơn vị cử đến và giấy tờ tùy thân (CCCD/CC/hộ chiếu).
- + Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các tổ chức hành nghề đấu giá không được lựa chọn.

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất Tuyên Hóa thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết để đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công Đấu giá tài sản Quốc gia;
- UBND xã Tuyên Hóa;
- Trang thông tin điện tử xã Tuyên Hóa;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, HSGD.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Đức Nam

Phụ lục I
Danh sách 101 thửa đất ở nông thôn thuộc “Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa” tại xã Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Trị

TT	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Giá khởi điểm làm tròn (đồng)	Ghi chú
I	Đường có mặt cắt ngang rộng 10,5m					
1	4	523	140,2	ONT	561.000.000	
2	4	524	141,2	ONT	565.000.000	
3	4	525	142,2	ONT	569.000.000	
4	4	526	143,2	ONT	573.000.000	
5	4	527	144,2	ONT	577.000.000	
6	4	528	145,1	ONT	580.000.000	
7	4	529	146,1	ONT	584.000.000	
8	4	530	147,1	ONT	588.000.000	
9	4	531	148,1	ONT	592.000.000	
10	4	532	149,1	ONT	596.000.000	
11	4	533	150,1	ONT	600.000.000	
12	4	534	151,1	ONT	604.000.000	
13	4	535	152,1	ONT	608.000.000	
14	4	541	129,2	ONT	517.000.000	
15	4	542	131,5	ONT	526.000.000	
16	4	543	133,7	ONT	535.000.000	
17	4	544	136,0	ONT	544.000.000	
18	4	545	138,2	ONT	553.000.000	
19	4	546	140,4	ONT	562.000.000	
20	4	547	142,7	ONT	571.000.000	
21	4	548	144,9	ONT	580.000.000	
22	4	549	147,2	ONT	589.000.000	
23	4	550	149,4	ONT	598.000.000	
24	4	551	151,6	ONT	606.000.000	
25	4	552	153,9	ONT	616.000.000	
26	4	553	156,1	ONT	624.000.000	
27	4	554	158,3	ONT	633.000.000	
28	4	555	160,5	ONT	642.000.000	
29	4	556	162,8	ONT	651.000.000	
30	4	592	144,3	ONT	577.000.000	
31	4	593	146,2	ONT	585.000.000	
32	10	558	154,0	ONT	616.000.000	
33	10	572	154,0	ONT	616.000.000	
34	10	610	162,6	ONT	650.000.000	
35	10	611	153,9	ONT	616.000.000	

36	10	612	154,9	ONT	620.000.000	
37	10	613	155,9	ONT	624.000.000	
38	10	614	156,9	ONT	628.000.000	
39	10	615	157,9	ONT	632.000.000	
40	10	616	159,0	ONT	636.000.000	
41	10	617	160,0	ONT	640.000.000	
42	10	618	161,1	ONT	644.000.000	
43	10	619	162,1	ONT	648.000.000	
44	10	620	163,1	ONT	652.000.000	
45	10	621	164,1	ONT	656.000.000	
46	10	622	165,2	ONT	661.000.000	
47	10	623	166,2	ONT	665.000.000	
48	10	624	167,2	ONT	669.000.000	
49	10	636	170,2	ONT	681.000.000	
50	10	637	172,0	ONT	688.000.000	
II	Đường có mặt cắt ngang rộng 15m					
51	4	510	140,2	ONT	603.000.000	
52	4	511	141,3	ONT	608.000.000	
53	4	512	142,3	ONT	612.000.000	
54	4	513	143,4	ONT	617.000.000	
55	4	514	144,4	ONT	621.000.000	
56	4	515	145,4	ONT	625.000.000	
57	4	516	146,5	ONT	630.000.000	
58	4	517	147,5	ONT	634.000.000	
59	4	518	148,5	ONT	639.000.000	
60	4	519	149,6	ONT	643.000.000	
61	4	520	150,6	ONT	648.000.000	
62	4	521	151,7	ONT	652.000.000	
63	4	522	152,7	ONT	657.000.000	
64	4	601	289,1	ONT	1.492.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
65	4	602	182,1	ONT	783.000.000	
66	4	603	180,3	ONT	775.000.000	
67	4	604	178,7	ONT	768.000.000	
68	4	605	275,5	ONT	1.422.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
69	10	557	281,6	ONT	1.453.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
III	Đường có mặt cắt ngang rộng 19m					
70	4	506	202,4	ONT	1.057.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
71	4	507	144,2	ONT	627.000.000	
72	4	508	139,0	ONT	605.000.000	
73	4	509	206,8	ONT	1.079.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
74	4	540	160,7	ONT	839.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường

IV	Đường có mặt cắt ngang rộng 26m					
75	4	536	208,5	ONT	1.126.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
76	4	537	160,6	ONT	723.000.000	
77	4	538	171,2	ONT	770.000.000	
78	4	539	255,8	ONT	1.381.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
79	4	557	219,2	ONT	1.184.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
80	10	589	246,6	ONT	1.332.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
81	10	625	240,6	ONT	1.299.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
82	10	630	231,1	ONT	1.248.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
V	Đường có mặt cắt ngang rộng 36m					
83	4	558	196,5	ONT	1.132.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
84	4	559	129,1	ONT	620.000.000	
85	4	560	131,3	ONT	630.000.000	
86	4	561	133,5	ONT	641.000.000	
87	4	562	135,7	ONT	651.000.000	
88	4	563	137,9	ONT	662.000.000	
89	4	564	140,2	ONT	673.000.000	
90	4	565	142,3	ONT	683.000.000	
91	4	566	144,6	ONT	694.000.000	
92	4	567	146,8	ONT	705.000.000	
93	4	568	149,0	ONT	715.000.000	
94	4	569	151,2	ONT	726.000.000	
95	4	570	153,4	ONT	736.000.000	
96	4	571	155,6	ONT	747.000.000	
97	4	572	157,8	ONT	757.000.000	
98	4	573	160,1	ONT	768.000.000	
99	4	574	162,3	ONT	779.000.000	
100	4	575	218,3	ONT	1.257.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
101	4	576	273,1	ONT	1.573.000.000	Tiếp giáp hai tuyến đường
Tổng cộng (101 thửa)			16.483,8		73.649.000.000	

Phụ lục II

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	GHI CHÚ
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3	
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2	
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1	
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16	
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2	
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4	

3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4	
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2	
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2	
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57	
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	15	
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13	
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14	
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7	
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4	
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5	
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6	
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	7	
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4	
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5	
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6	
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3	

4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3	
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>		
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7	
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4	
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5	
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6	
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2	
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3	
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	

7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2	
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3	
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4	
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	5	
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3	
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4	
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5	
9	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</i>	5	
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3	
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4	
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5	
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	8	
1	<i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (cụ thể là đấu giá QSD đất) trên địa bàn tỉnh</i>	2	
1.1	<i>Từ trên 5 cuộc đấu giá thành</i>	2	
1.3	<i>Từ 1 đến 5 cuộc đấu giá thành</i>	1	
2	<i>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó</i>	3	
3	<i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh nơi có tài sản đấu giá (không bao gồm trụ sở chi nhánh)</i>	3	
Tổng số điểm		100	